

Số: /YCBG-BV

Hung Yên, ngày tháng 4 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Thái Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá các gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu: Mua sắm vật tư, thiết bị y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình năm 2026 tại các chuyên khoa: Chuyên khoa phẫu thuật lồng ngực và triển khai kỹ thuật ECMO; chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình – Bông, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Thái Bình

Địa chỉ: Số 530, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

CN. Phạm Thị Hà, số điện thoại liên hệ: 0963.355.618

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

3.1. Bản ký đóng dấu: Gửi về CN. Phạm Thị Hà – phòng Vật tư Thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa Thái Bình, số điện thoại liên hệ: 0963.355.618 (địa chỉ: Số 530, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên).

3.2. File mềm gửi vào email: quanlydauthau.bvdkinhthaibinh@gmail.com (bao gồm: báo giá, catalog (nếu có), tài liệu kỹ thuật, hồ sơ pháp lý)

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 ngày 06/4/2026 đến 17 giờ 00 ngày 15/4/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 15/4/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Mua sắm vật tư, thiết bị y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình năm 2026, gồm:

1.1. Vật tư, thiết bị y tế chuyên khoa phẫu thuật lồng ngực và triển khai kỹ thuật ECMO (*Chi tiết tại phụ lục 1*);

1.2. Vật tư, thiết bị y tế chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh (*Chi tiết tại phụ lục 2*);

1.3. Vật tư, thiết bị y tế chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình – Bông (*Chi tiết tại phụ lục 3*);

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Tại Bệnh viện Đa khoa Thái Bình.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng làm nhiều lần theo nhu cầu của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Thanh toán một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở hoá đơn, biên bản bàn giao, nhiệm thu của từng lần giao, nhận hàng.

5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá (*Theo mẫu tại Phụ lục 4*).

Bệnh viện Đa khoa Thái Bình kính mời đại diện các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá vật tư, thiết bị y tế trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTBYT, TCKT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Thái

Phụ lục 1: Danh mục mua sắm vật tư, thiết bị y tế chuyên khoa phẫu thuật lồng ngực và triển khai kỹ thuật ECMO.

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: /YCBG-BV ngày tháng 4 năm 2026)

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm năm 2026
1	Vòng van ba lá	- Vòng van ba lá với thiết kế vòng cứng 3D - Lõi bằng titanium. - Kích cỡ từ 26-36 mm.	Cái	10
2	Van động mạch chủ sinh học	Van sinh học động mạch chủ làm bằng vật liệu sinh học, Kích thước van ≥ 19 mm. Đạt tiêu chuẩn: CE/FDA	Cái	3
3	Van động mạch chủ cơ học	- Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ được làm bằng pyrolytic carbon. - Góc mở lá van ≥ 75 độ. - Có tối thiểu các cỡ van 19mm, 21mm, 23mm, 25mm.	Cái	1
4	Van tim nhân tạo cơ học hai lá	- Chất liệu van bằng carbon. - Góc mở cánh van ≥ 80 độ - Có tối thiểu các cỡ van 25 - 29mm ($\pm 5\%$)	Cái	7
5	Van tim sinh học hai lá	- Van sinh học được làm từ màng ngoài tim lợn/tim bò - Van hai lá sinh học các cỡ 25 - 33mm	Cái	4
6	Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng	Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng, các cỡ ≥ 10 Fr, dài ≥ 30 cm (Hoặc tương đương)	Cái	5
7	Cannula dẫn lưu tim trái các cỡ	Cannula dẫn lưu tim trái kèm guidewire: - Kích cỡ: có tối thiểu cỡ 10Fr, 13Fr - Độ dài hiệu dụng ≥ 31.8 cm	Cái	15

8	Cannula động mạch đầu cong các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Cannula động mạch chủ đầu cong dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. - Chất liệu: PVC/silicon. - Kích thước các co nối 3/8 được gắn liền với cannula, có vành linh hoạt, có thông khí. - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE 	Cái	15
9	Cannula tĩnh mạch đầu gập góc các cỡ	Cannula tĩnh mạch 1 tầng đầu cong với thiết kế đầu kim loại, các cỡ 12Fr- 24Fr, co nối 1/4 và 3/8 dài $\geq 35\text{cm}$	Cái	15
10	Cannula tĩnh mạch thẳng các cỡ	Cannula tĩnh mạch thẳng chống xoắn dài $\geq 30.5\text{cm}$, có các cỡ 12Fr - 36Fr	Cái	15
11	Kim gốc động mạch chủ các cỡ	Kim gốc động mạch chủ có các cỡ 5/7/9Fr, dài $\geq 13\text{ cm}$.	Cái	15
12	Miếng vá tim, vá mạch máu sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: màng ngoài tim bò - Độ dày: 0.35mm-0. 5mm. Cỡ: 4x4cm 	Miếng	25
13	Mạch máu nhân tạo chữ Y các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: polyester. - Kích cỡ: Đường kính 14-20mm x 7-10mm - Chiều dài $\geq 45\text{cm}$ - Xuất xứ: EU/G7 	Cái	15
14	Bộ phổi nhân tạo kèm dây dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc động mạch. - Diện tích bề mặt lớp màng: $\geq 2.5\text{m}^2$, có màng lọc bên trong với kích thước lỗ lọc $\leq 32\text{ micromet}$ - Dung tích bình chứa: $\geq 4000\text{ml}$ - Đi kèm bộ dây dẫn tim phổi nhân tạo, chất liệu PVC hoặc silicone. 	Bộ	15

15	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho người lớn, diện tích màng lọc 1,2m ² - 1,4m ²	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho người lớn. Gồm: Màng lọc: Vật liệu màng lọc polyethersulfone; Bộ dây dẫn lọc máu gồm có dây dẫn máu vào, dây dẫn máu ra, dây siêu lọc tương thích màng lọc; Túi đựng chất thải tối thiểu 2000ml. Diện tích bề mặt màng lọc từ 1,2m ² -1,4m ² . Dung tích mỗi 65-85ml; Áp lực xuyên màng tối đa 500mmHg; Đường kính sợi lọc tối thiểu 200 micron. Tiệt trùng.	Bộ	15
16	Thanh nâng ngực các cỡ	- Hợp kim thép không gỉ - Hai đầu thanh được bo tròn, ở giữa có đục lỗ và khắc - Chính giữa thanh có vạch đánh dấu để uốn thanh chính xác.	Cái	25
17	Catheter lấy huyết khối các cỡ 2F-7F	Ống thông (catheter) lấy huyết khối - Kích cỡ: 2F-7F - Đường kính bóng khi bơm: Từ 4.5mm đến 14mm	Cái	25
18	Đoạn mạch nhân tạo PE loại thẳng	Mạch máu nhân tạo tráng bạc kháng khuẩn loại thẳng, bề mặt ống ghép kháng khuẩn. Kích cỡ: Dài ≥ 60cm, đường kính ≥ 6mm	Cái/Đoạn	5
19	Sản phẩm chống dính trong phẫu thuật	- Thành phần: Gel natri hyaluronate tiệt trùng được chứa sẵn trong bơm tiêm - Dung tích: ≥ 2ml - Hàm lượng: 10mg/ml - Công dụng: Ngăn ngừa và giảm dính sau phẫu thuật - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Tự tiêu trong vòng 7 ngày	Hộp/lọ	500

20	Dung dịch bảo quản tạng	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch rửa và bảo quản mô, tạng, có tác dụng liệt tim - Thành phần dung dịch chứa tối thiểu: histidine, tryptophane, potassium Độ thẩm thấu 300 mosmol/kg hoặc 310 mosmol/kg - Liệt tim trong phẫu thuật tim kéo dài 180 phút - Đạt tiêu chuẩn CE/FDA 	Túi	60
21	Chỉ điện cực tim 2/0	Chỉ điện cực đa sợi số 2/0, chất liệu thép không gỉ, chiều dài $\geq 60\text{cm}$, 2 kim: một kim tròn 1/2 vòng tròn và một kim thẳng.	Sợi	15
22	Chỉ polyester số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester, dài $\geq 90\text{cm}$, 2 kim tròn đầu cắt dài $\geq 17\text{mm}$, 1/2 vòng tròn, thân kim có rãnh. - Đạt tiêu chuẩn: CE/FDA	Sợi	300

23	Bộ khăn mổ dùng 1 lần	<p>Bộ khăn gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 khăn phủ bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm kích thước 140x 200cm ($\pm 10\%$) - 2 khăn không keo thấm kích thước 30 x 35cm ($\pm 10\%$), chất liệu vải siêu thấm - 1 khăn không keo kích thước 100x 100cm ($\pm 10\%$) - 1 túi dụng cụ kích thước 35x40cm ($\pm 10\%$), có băng keo hai mặt, túi 2 ngăn - 2 băng keo kích thước 9 x 50cm ($\pm 10\%$) - 1 túi kim chỉ kích thước 20x 18cm ($\pm 10\%$), có băng keo - 2 khăn phủ bên kích thước 80 x 120 cm ($\pm 10\%$) - 1 khăn phủ chân kích thước 200 x 250cm ($\pm 10\%$) - 1 khăn phủ đầu kích thước 120 x 230cm ($\pm 10\%$) - 5 khăn có keo kích thước 80 x 120cm ($\pm 10\%$) - 1 khăn phủ vùng sinh dục kích thước 19x35cm ($\pm 10\%$), có băng keo - 1 khăn phủ dụng cụ có keo kích thước 100x200cm ($\pm 10\%$), có băng keo - 1 Khăn phủ dụng cụ kích thước 150x160cm ($\pm 10\%$), chất liệu plastic có độ trong suốt cao 	Bộ	80
24	Kít thử đông máu dùng trong mổ tim hở	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu, tương thích với máy đo độ đông máu ACT Plus (Model: ACT100/ACT200)/ hãng Medtronic có tại Bệnh viện.	Cái	200
25	Phổi nhân tạo cấp cứu	<p>Bộ phổi nhân tạo tương thích với máy ECMO của TERUMO có đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu bơm ly tâm thiết kế trục đôi. - Tráng chất chống đông Xcoating - Diện tích màng lọc: 2,5m² - Tổng thể tích mồi máu: 620ml - Lưu lượng tối đa: 7l/phút - Áp suất tối đa 1000mmHg 	Bộ	12

26	Canuyn động mạch	<p>Bộ canuyn động mạch dùng trong kỹ thuật ECMO:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: ≥ 16.5 Fr - Bao gồm: + Canuyn có tráng chất chống đông Xcoating + Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu: gồm 2 que nong dài 15cm, cỡ 8Fr và 12Fr, dây dẫn đường dài 80cm, ống tiêm, dao mổ - Tương thích với bộ tim phổi nhân tạo ECMO của TERUMO 	Cái/Bộ	12
27	Canuyn tĩnh mạch	<p>Bộ canuyn tĩnh mạch dùng trong kỹ thuật ECMO</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: cỡ ≥ 19 Fr - Bao gồm: + Canuyn có tráng chất chống đông Xcoating + Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu: gồm 2 que nong dài 15cm, cỡ 8Fr và 12Fr, dây dẫn đường dài 150cm, ống tiêm, dao mổ - Tương thích với bộ tim phổi nhân tạo ECMO của TERUMO 	Cái/Bộ	24

Phụ lục 2: Danh mục mua sắm Vật tư, thiết bị y tế chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: /YCBG-BV ngày tháng 4 năm 2026)

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
1	Dây dẫn ái nước chẩn đoán	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol. - Lớp ngoài là Polyurethane. - Lớp phủ ái nước hydrophilic. Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: ≥ 150 cm - Đường kính: 0.035"	Cái	100
2	Vi dây dẫn đường	Dây dẫn dùng cho can thiệp: - Đường kính: 0.016 inch. - Chiều dài: ≥ 165 cm. - Lõi thép không gỉ. - Độ dài cản quang: ≥ 3 cm.	Cái	50
3	Kim chọc động mạch đùi	Nòng kim bằng thép không gỉ, sắc, cắt vát 3 mặt. Thân catheter chất liệu ETFE. Đầu catheter ôm kim. Kích cỡ kim 18G	Cái	200
4	Catheter chụp chẩn đoán não loại lòng rộng	Cấu tạo: Lớp giữa là lớp bện SUS Đặt tính kỹ thuật: Cỡ 5Fr. Dài ≥ 65 cm.	Cái	80

5	Vi ống thông can thiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính: 0.027 inch - Đường kính đoạn xa: 2.6Fr/2.7F - Đường kính đoạn gần: 2.8Fr - Chiều dài: ≥ 110cm. - Chịu được áp lực 1000 PSI 	Cái	30
6	Vi ống thông can thiệp 2.4Fr	<p>Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu lớp trong phủ PTFE, lớp giữa Tungsten, lớp ngoài phủ lớp Hydrophilic - Đường kính ngoài 2.4Fr - Đường kính trong 0.022" - Chiều dài 110cm và 130cm - Kèm theo 1 dây dẫn nhỏ <p>Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE/FDA</p>	Cái	20
7	Vi ống thông có marker	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông siêu nhỏ có marker đường kính trong: 0.025"/0.027". - Đầu tip đa dạng: dạng thẳng/dạng cong. - Đường kính ngoài đầu xa: 2.6F/2.7F. - Đường kính ngoài đầu gần: 2.8F/2.95F. - Chiều dài: ≥ 150cm. - Tiệt trùng. 	Cái	20

8	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi các cỡ	<p>Cấu tạo gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc mạch cỡ 18G - Dây dẫn cỡ 0.035" dài ≥ 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Bộ dụng cụ mở đường - Que nong - Kích thước: cỡ 5F, 6F dài 10cm - Vật liệu: Dụng cụ mở đường làm bằng ETFE. 	Bộ	150
9	Hạt nút mạch polymer	<ul style="list-style-type: none"> - Hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer vô cơ không tan trong dung môi. - Kích thước hạt: 40 μm – 1.300 μm, được mã hóa màu theo kích thước. - Đóng gói 2ml - Xuất xứ: EU/G7 	Lọ	80
10	Hạt vi cầu nút mạch tải thuốc	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tắc mạch máu trong khối u ác tính và tải hóa chất Doxorubicin hoặc Irinotecan điều trị khối u gan. - Có các kích thước hạt từ 100μm đến 450μm. - Lọ chứa ≥ 2ml hạt. 	Lọ	40
11	Kim sinh thiết tự động	Kim sinh thiết tự động, các cỡ, chiều dài ≥ 10 cm, độ sâu thâm nhập ≥ 15 mm. Tiệt trùng.	Cái	400
12	Kim sinh thiết bán tự động	<p>Bộ sinh thiết bán tự động, cho phép lấy sinh thiết theo 2 nấc: 1cm và 2cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đánh dấu thước đo trên kim nhằm kiểm soát độ sâu của kim - Đường kính: 14G đến 20G - Chiều dài: ≥ 10cm - Tiệt trùng. 	Cái	400

13	Bộ dẫn lưu đường mật qua da	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông dẫn lưu đa chức năng làm từ polyurethane - Kích cỡ ống thông: có tối thiểu 6-12Fr. - Kim Trocar. Chiều dài 30cm ± 0.5cm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiệt trùng. 	Bộ	150
14	Bơm tiêm thuốc cân quang 190ml	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ sản phẩm đóng gói gồm: + 1 ống bơm 190ml; + 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J; + 1 dây nối áp lực cao dài 150cm. - Đạt chuẩn FDA/CE. - Tiệt khuẩn. 	Cái	500
15	Dây truyền thuốc sử dụng 1 lần dùng cho bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng	<p>Bộ dây truyền thuốc sử dụng 1 lần cho bơm thuốc cân quang 2 nòng. Bộ đóng gói gồm tối thiểu: 2 bơm tiêm, dây nối chữ Y có van 1 chiều, 2 ống lấy thuốc nhanh.</p> <p>Sử dụng cho máy cắt lớp vi tính 512 lát</p>	Bộ	500
16	Dây truyền thuốc sử dụng 1 lần dùng cho bơm tiêm thuốc cân quang 1 nòng	<p>Bộ dây truyền thuốc sử dụng 1 lần cho bơm thuốc cân quang 1 nòng. Bộ đóng gói tối thiểu: gồm: 1 bơm tiêm, dây nối, 1 đầu lấy thuốc.</p>	Bộ	1.000
17	Phim khô chụp cộng hưởng từ 35x43 cm	Kích cỡ 35x43 cm. Tương thích với máy in phim khô laser.	Tờ	120.000

18	Bơm tiêm thuốc cản quang 200ml	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: xilanh 200ml, dây nối áp lực cao dài ≥ 150cm, 1 đầu lấy thuốc, 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J - Áp suất ≥ 350psi; - Tiết trùng - Tương thích với máy bơm cản quang của hãng Nemoto 	Cái	200
19	Bơm tiêm thuốc cản quang 200ml	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: + 01 xi lanh: dung tích 200ml + 01 Ống kết nối dài chiều dài ≥ 150cm + 01 ống điên nhanh: chất liệu PE + 01 đầu chọc: chất liệu ABS + Nắp bảo vệ: chất liệu PP + Đầu kết nối: chất liệu PC - Giới hạn áp suất ≥ 350psi - Tiết trùng - Tương thích với hệ thống bơm tiêm cản quang 1 nòng Zenith-C20 	Cái	200
20	Phim khô y tế 25x30 cm	Phim khô laser cỡ 25x30 cm.	Tờ	100.000
21	Hạt vi cầu nút mạch tắc tạm thời chất liệu PVA	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nút mạch tạm thời chất liệu PVA dạng vi hạt được sử dụng để nút mạch hoá chất điều trị ung thư gan. - Kích thước hạt: 45-1180 μm. - Lọ ≥ 1ml - Tiêu chuẩn: CE/FDA 	Lọ	50

22	Hạt nút mạch tạm thời chất liệu gelatin	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dạng vi hạt được sử dụng để nút mạch hoá chất điều trị ung thư gan và kiểm soát chảy máu. - Kích thước hạt: 150-3500μm. - Lọ chứa \geq150mg vật liệu. -Tiêu chuẩn: CE/FDA 	Lọ	50
23	Vòng xoắn kim loại nút mạch dạng dây	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim Platinum, có sợi Dacron bao phủ. Dạng coil dây. - Đường kính 4-7 mm. - Chiều dài khi thả: từ 4.0 đến 5.5mm. - Hình dạng: hình nón 	Cái	20
24	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch	<p>Gồm 1 vòng xoắn được bao phủ dày đặc bởi các sợi Dacron và dây thả, được nối bởi khóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính \geq 3 mm và chiều dài đến 40 cm. - Hình dạng coil: 2D, Diamond, Cube. 	Cái	20
25	Bộ vi ống thông kèm dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên	<p>Bộ vi ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp mạch máu ngoại biên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phủ ái nước hydrophilic - Đường kính: \geq0.025 inch - Đường kính đoạn xa \leq2.7Fr - Đường kính đoạn gần \leq2.9Fr - Chiều dài: \geq 110 cm. - Đầu tip dạng: Cong - Chịu được áp lực 1000 PSI 	Bộ	60

Phụ lục 3: Danh mục mua sắm Vật tư, thiết bị y tế chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình – Bông
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: /YCBG-BV ngày tháng 4 năm 2026)

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
1	Bộ đỉnh nội tuỷ			
1.1	Đỉnh nội tuỷ các cỡ	- Đỉnh đặc có ≥ 4 lỗ bắt vít. Đường kính đỉnh ≥ 8 mm, chiều dài đỉnh ≥ 220 mm. - Tiêu chuẩn FDA/CE - Xuất xứ EU/G7	cái	200
1.2	Vít chốt ngang các cỡ	- Đường kính vít ≤ 4.5 mm. Đồng bộ với đỉnh nội tuỷ có chốt. - Tiêu chuẩn CE/FDA - Xuất xứ EU/G7	cái	600
2	Bộ nẹp khoá đầu dưới xương quay			
2.1	Nẹp khoá đầu dưới xương quay các cỡ	- Chất liệu titanium. - Nẹp dày ≥ 1.8 mm, - Nẹp rộng ≥ 9.0 mm. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá đường kính 2.4/2.7mm và Vít khoá đường kính 3.5mm - Xuất xứ: EU/G7	Cái	50
2.2	Vít khoá 2.4/2.7mm các cỡ	- Chất liệu titanium. - Đường kính 2.4/2.7mm. - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Xuất xứ: EU/G7	cái	200

2.3	Vít khóa 3.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Xuất xứ: EU/G7 	cái	100
3	Bộ nẹp khoá đầu trên xương cánh tay			
3.1	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các loại các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 3.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 11.0\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 3.5mm , Vít xương cứng đường kính 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	100
3.2	Vít khóa 3.5 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	600
3.3	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 3.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	300
4	Bộ nẹp khoá đầu dưới xương cánh tay			

4.1	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các loại các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 2.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 10\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 2.7mm và 3.5mm, Vít xương cứng đường kính 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	20
4.2	Vít khóa 2.7 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 2.7mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	40
4.3	Vít khóa 3.5 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	60
4.4	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 3.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	60
5	Bộ nẹp khoá đầu trên xương chày mặt ngoài			
5.1	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài trái, phải các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 3.8\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 14.0\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 4.5/5.0mm, Vít xương cứng đường kính 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	cái	50

5.2	Vít khóa 4.5/5.0 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 4.5/5.0mm - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	cái	350
5.3	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 4.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	cái	150
6	Bộ nẹp khoá đầu trên xương chày mặt ngoài			
6.1	Nẹp khoá đầu trên xương chày mặt ngoài trái, phải các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 3.8\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 14.0\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 4.5/5.0mm, Vít xương cứng đường kính 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	30
6.2	Vít khóa 4.5/5.0mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 4.5/5.0mm - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	210
6.3	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 4.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	90
7	Bộ nẹp khoá đầu trên xương chày mặt trong			

7.1	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong trái, phải các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 3.8\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 11.0\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 3.5mm hoặc 4.5mm, Vít xương cứng đường kính 3.5mm hoặc 4.5mm. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	cái	20
7.2	Vít khóa 3.5/4.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm hoặc 4.5mm. - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	cái	140
7.3	Vít xương cứng đường kính 3.5/4.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính 3.5mm hoặc 4.5mm. - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	cái	60
8	Bộ nẹp khoá đầu dưới xương chày			
8.1	Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái, phải các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 3.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 11.5\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 3.5mm , Vít xương cứng đường kính 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	50

8.2	Vít khóa 3.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	400
8.3	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 3.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	100
9	Bộ nẹp khoá đầu trên xương đùi			
9.1	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái, phải các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 5.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 16.0\text{mm}$. - Đầu nẹp ≥ 3 lỗ. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 5.0mm , 7.3mm và Vít xương cứng đường kính 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	Cái	50
9.2	Vít khóa rộng nòng đường kính 7.3mm các loại các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 7.3mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	cái	150
9.3	Vít khóa 5.0mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 5.0mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	cái	100

9.4	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	- Đường kính thân ren 4.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7	cái	150
10	Bộ nẹp khoá đầu trên xương đùi			
10.1	Nẹp khoá đầu trên xương đùi trái, phải các cỡ	- Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 5.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 16.0\text{mm}$. - Đầu nẹp ≥ 3 lỗ. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 5.0mm , 7.3mm và Vít xương cứng đường kính 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	100
10.2	Vít khoá rộng nòng đường kính 7.3mm các loại các cỡ	- Đường kính thân ren 7.3mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cái	300
10.3	Vít khoá 5.0mm các cỡ	- Chất liệu titanium. - Đường kính 5.0mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cái	200
10.4	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	- Đường kính thân ren 4.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cái	300
11	Bộ nẹp khoá đầu dưới xương đùi			

11.1	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 5.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 16.0\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 5.0mm và Vít xương cứng đường kính 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	50
11.2	Vít khóa 5.0mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 5.0mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	300
11.3	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 4.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng 	cái	400
12	Bộ nẹp lòng máng			
12.1	Nẹp lòng máng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày $\geq 1.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 9.0\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít xương cứng đường kính 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	100
12.2	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 3.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	600
13	Bộ nẹp khoá xương gót			

13.1	Nẹp khóa xương gót các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 1.5\text{mm}$, - Phân biệt trái, phải. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 3.5mm và Vít xóp khoá 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	30
13.2	Vít khóa 3.5 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	180
13.3	Vít xóp khóa 3.5 mm, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá xương gót - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	60
14	Bộ nẹp khoá xương đòn chữ S			
14.1	Nẹp khóa xương đòn chữ S các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 3.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 10\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 3.5mm và Vít xương cứng đường kính 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	100
14.2	Vít khóa 3.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	300

14.3	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	- Đường kính thân ren 3.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cái	500
15	Bộ nẹp khoá đầu ngoài xương đòn			
15.1	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ	- Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 3.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 10\text{mm}$. - Phân biệt trái, phải. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 2.7mm, 3.5mm và Vít xương cứng đường kính 3.5mm - Xuất xứ: EU/G7	cái	15
15.2	Vít khóa 2.7mm các cỡ	- Chất liệu titanium. - Đường kính 2.7mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khóa - Xuất xứ: EU/G7	cái	30
15.3	Vít khóa 3.5mm các cỡ	- Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khóa - Xuất xứ: EU/G7	cái	60
15.4	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	- Đường kính thân ren 3.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Xuất xứ: EU/G7	cái	30
16	Bộ nẹp khoá mặt bên đầu dưới xương mác			

16.1	Nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương mác các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 1.8\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 10\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 3.5mm và Vít xương cứng đường kính 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE/FDA - Xuất xứ thuộc các nước nhóm OECD 	cái	50
16.2	Vít khóa 3.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE/FDA - Xuất xứ thuộc các nước nhóm OECD 	cái	250
16.3	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 3.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE/FDA - Xuất xứ thuộc các nước nhóm OECD 	cái	100
17	Bộ nẹp khoá bản rộng			
17.1	Nẹp khóa bản rộng các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 5.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 16\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khóa 4.5/5.0mm các cỡ và Vít xương cứng đường kính 4.5mm - Xuất xứ: EU/G7 	Cái	50

17.2	Vít khóa 4.5/5.0mm các cỡ	- Chất liệu titanium. - Đường kính 4.5/5.0mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Xuất xứ: EU/G7	cái	250
17.3	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	- Đường kính thân ren 4.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Xuất xứ: EU/G7	cái	250
18	Bộ nẹp khoá bản hẹp			
18.1	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ	- Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 4.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 13\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 4.5/5.0mm và Vít xương cứng đường kính 4.5mm - Xuất xứ: EU/G7	Cái	50
18.2	Vít khóa 4.5/5.0mm các cỡ	- Chất liệu titanium. - Đường kính 4.5/5.0mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Xuất xứ: EU/G7	cái	200
18.3	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	- Đường kính thân ren 4.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Xuất xứ: EU/G7	cái	200
19	Bộ nẹp khoá bản nhỏ			

19.1	Nẹp khóa bản nhỏ các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Nẹp dày $\geq 2.7\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 10\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít khoá 3.5mm và Vít xương cứng đường kính 3.5mm - Xuất xứ: EU/G7 	Cái	50
19.2	Vít khóa 3.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Xuất xứ: EU/G7 	cái	200
19.3	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 3.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Xuất xứ: EU/G7 	cái	150
20	Bộ nẹp khoá DHS			
20.1	Nẹp khóa DHS các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim titanium. - Nẹp rộng $\geq 18\text{mm}$; - Nẹp dày $\geq 5.0\text{mm}$; - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít lớn DHS, Vít nén DHS, Vít khoá 5.0mm và Vít xương cứng đường kính 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	80
20.2	Vít lớn DHS/DCS	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim titanium. - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá DHS - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	80
20.3	Vít nén DHS/DCS	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim titanium. - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá DHS 	cái	80

20.4	Vít khóa 5.0mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - Đường kính 5.0mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	80
20.5	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 4.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	240
21	Bộ nẹp bản hẹp			
21.1	Nẹp bản hẹp các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp dày $\leq 4.0\text{mm}$ - Nẹp rộng $\leq 12\text{mm}$, - Nẹp dài $\geq 87\text{mm}$, - Chất liệu thép không gỉ. - Đồng bộ với Vít xương cứng đường kính 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	150
21.2	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 4.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	1.200
22	Bộ nẹp bản rộng			
22.1	Nẹp bản rộng các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu Titanium. Độ dày nẹp $\leq 5\text{mm}$, chiều rộng nẹp $\leq 18\text{mm}$. Tiêu chuẩn: CE/FDA. Xuất xứ: OECD 	cái	200
22.2	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	Vít đường kính 4.5mm, tương thích với nẹp.	cái	2.000
23	Bộ nẹp bản nhỏ			

23.1	Nẹp bản nhỏ các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp dày $\leq 4.0\text{mm}$ - Nẹp rộng $\leq 12\text{mm}$, - Chất liệu thép không gỉ. - Đồng bộ với Vít xương cứng đường kính 3.5mm 	cái	300
23.2	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren 3.5mm ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng 	cái	2.100
24	Bộ nẹp chữ T nhỏ			
24.1	Nẹp chữ T nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, - Chiều dày nẹp $\geq 1.0\text{mm}$, - Chiều rộng $\geq 10\text{mm}$. - Đồng bộ với Vít xương cứng đường kính 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	cái	100
24.2	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân ren ($\pm 5\%$). - Đồng bộ với nẹp tương ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	cái	700
25	Bộ nẹp khoá mắt xích		Bộ	
25.1	Nẹp khoá mắt xích các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ/titanium - Nẹp dày $\geq 2.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 10.0\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít đường kính 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	80

25.2	Vít khóa 3.5 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép không gỉ/titanium - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp khoá - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	320
26	Bộ nẹp mắt xích		Bộ	
26.1	Nẹp mắt xích các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ/titanium - Nẹp dày $\geq 3.0\text{mm}$, - Nẹp rộng $\geq 11.0\text{mm}$. - Nẹp các cỡ sử dụng đồng bộ với Vít đường kính 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	200
26.2	Vít 3.5 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép không gỉ/titanium - Đường kính 3.5mm ($\pm 5\%$). - Vít các cỡ sử dụng đồng bộ với Nẹp - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	1.400
27	Nội soi viêm hoạt mạc, cắt sụn chêm, dính khớp		Bộ	
27.1	Bộ dây dẫn nước dùng cho nội soi khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Chất liệu nhựa y tế hoặc silicon hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA 	Cái	100
27.2	Lưỡi cắt đốt	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi cắt đốt loại đầu cong 90 độ, - Chiều dài làm việc $\geq 130\text{mm}$, - Đường kính thân $\geq 3\text{mm}$. - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cấu	100

27.3	Lưỡi bào khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài làm việc $\geq 130\text{mm}$, - Đường kính $\geq 3.0\text{mm}$. - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	100
28	Bộ nội soi tái tạo dây chằng khớp gối		Bộ	
28.1	Bộ dây dẫn nước dùng cho nội soi khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp gối - Chất liệu nhựa y tế hoặc silicon hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA 	Cái	100
28.2	Lưỡi cắt đốt	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi cắt đốt loại đầu cong 90 độ, - Chiều dài làm việc $\geq 130\text{mm}$, - Đường kính thân $\geq 3\text{mm}$. - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	100
28.3	Lưỡi bào khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài làm việc $\geq 130\text{mm}$, - Đường kính $\geq 3.0\text{mm}$. - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	100
28.4	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	<p>Cấu tạo gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vòng chỉ - Chỉ kéo - Tấm titanium <p>Vít có thể điều chỉnh chiều dài từ 15mm-60mm. Lực tải tối đa khi bị lỗi là: $\geq 1565\text{ N}$</p>	Cái	200

28.5	Mũi khoan ngược	đường kính từ ≤ 7 đến ≥ 10 mm (bước tăng 0.5mm), chiều dài ≥ 180 mm	Cái	100
29	Bộ nội soi khâu chóp xoay khớp vai		Bộ	
29.1	Bộ dây dẫn nước dùng cho nội soi khớp	- Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - khâu chóp xoay - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50
29.2	Lưỡi cắt đốt	- Lưỡi cắt đốt loại đầu cong 90 độ, - Chiều dài làm việc ≥ 130 mm, - Đường kính thân ≥ 3 mm. - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - khâu chóp xoay - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50
29.3	Lưỡi bào khớp	- Chiều dài làm việc ≥ 130 mm, - Đường kính ≥ 3.0 mm. - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - khâu chóp xoay - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50
29.4	Lưỡi mài xương	- Chiều dài làm việc ≥ 130 mm, - Đường kính ≥ 3.0 mm. - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - khâu chóp xoay - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50
29.5	Troca các loại	- Đường kính ≥ 5.5 mm - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - khâu chóp xoay - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	100

29.6	Vít chỉ neo khâu chóp xoay	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính 5mm ($\pm 5\%$) hoặc 6.5mm ($\pm 5\%$) - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - khâu chóp xoay - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA 	Cái	200
30	Bộ nội soi khâu sụn viền khớp vai		Bộ	
30.1	Bộ dây dẫn nước dùng cho nội soi khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	10
30.2	Lưỡi cắt đốt	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi cắt đốt loại đầu cong 90 độ, - Chiều dài làm việc $\geq 130\text{mm}$, - Đường kính thân $\geq 3\text{mm}$. - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	10
30.3	Lưỡi bào khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài làm việc $\geq 130\text{mm}$, - Đường kính $\geq 3.0\text{mm}$. - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	10
30.4	Lưỡi mài xương	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài làm việc $\geq 130\text{mm}$, - Đường kính $\geq 3.0\text{mm}$. - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	10

30.5	Troca các loại	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính $\geq 5.5\text{mm}$ - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	20
30.6	Vít chỉ neo khâu sụn viền khớp vai	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính 5mm ($\pm 5\%$) hoặc 6.5mm ($\pm 5\%$) - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA 	Cái	30
31	Khớp gối toàn phần có xi măng	<p>Bộ khớp gối toàn phần có xi măng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòai cầu xương đùi có xi măng chất liệu Cobalt Chrome, các cỡ - Mâm chày chất liệu Cobalt Chrome có xi măng, các cỡ - Lớp đệm mâm chày cố định hoặc linh động, các cỡ - Xi măng kháng sinh cho khớp gối - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU/G7 	Bộ	50
32	Khớp háng bán phần có xi măng	<p>Bộ khớp háng bán phần có xi măng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuôi khớp, góc cổ thân ≥ 125 độ, các cỡ - Chỏm khớp, các cỡ - Xi măng - Nút chặn/chấn xi măng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA - Xuất xứ: G7 	Bộ	10

33	Bộ khớp háng bán phần không xi măng	<p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuôi khớp chất liệu hợp kim titanium, góc cổ thân ≥ 133 độ, các cỡ - Chỏm khớp chất liệu CoCr, các cỡ - Xuất xứ: G7 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA 	Bộ	150
34	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	<p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuôi khớp , góc cổ thân ≥ 133 độ, các cỡ - Chỏm khớp Ceramic, các cỡ - Lớp đệm - Ổ cối không xi măng, các cỡ - Vít ổ cối, các cỡ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA - Xuất xứ: G7 	Bộ	100
35	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	<p>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuôi khớp, góc cổ thân ≥ 133 độ, các cỡ - Chỏm khớp, các cỡ - Lớp đệm/lót - Ổ cối, các cỡ - Vít ổ cối, các cỡ - Xuất xứ: G7 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA 		50
36	Đinh vít ne đường kính các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính từ 1,0 mm đến 3,0mm - Chất liệu thép không gỉ - Đạt chất lượng ISO 13485. 	cái	2.500
37	Đinh rush đường	Làm bằng thép không gỉ , Đường kính 2.0-6.0mm. Đạt tiêu chuẩn: ISO	cái	40

	kính các loại	13485.		
38	Đinh Metaizeau các loại các cỡ	- Đường kính $\geq 2\text{mm}$, - Dài $\geq 30\text{cm}$. - Đầu đinh cong, chất liệu thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	100
39	Vít xóp đường kính 4.0mm các cỡ	- Đường kính thân ren 4.0mm ($\pm 5\%$). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	500
40	Vít xóp đường kính 6.5mm các cỡ	- Chất liệu: thép không gỉ/titanium - Đường kính 6.5mm ($\pm 5\%$). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2.000
41	Vít xóp rộng nòng 7.0 các loại các cỡ	- Đường kính thân ren 7.0mm ($\pm 5\%$). - Vít rộng nòng, các cỡ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cái	100
42	Vít xóp rộng nòng 4.5 các loại các cỡ	- Đường kính thân ren 4.5mm ($\pm 5\%$). - Vít rộng nòng, các cỡ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cái	50
43	Bộ khung cố định ngoại vi thân xương	Gồm Thanh giá đỡ thân xương và vít cố định. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	100
44	Bộ khung cố định ngoài đầu xương	- Gồm 1 thanh cong, 1 thanh thẳng, 1 thanh răng và các phụ kiện kèm theo. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	50

45	Chỉ thép liền kim số 5	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thép liền kim số 5 - Sợi chỉ dài $\geq 45\text{cm}$ - Kim 1/2 kim tròn, mũi tam giác, vòng kim $48\text{mm} \pm 0,5$ - Kim thép không gỉ, phủ silicone 	Sợi	1.000
46	Mũi khoan xương các số	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính các cỡ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	500
47	Băng bó bột 10cm	Chất liệu: Bột thạch cao, phủ gạc. Kích thước: 10cm x 2.7m ($\pm 5\%$)	Cuộn	7.500
48	Bộ khăn nội soi khớp gối không thấm nước dùng 1 lần	<p>Thành phần 1 bộ tối thiểu gồm: 5 khoản</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khăn trải bàn dụng cụ $\geq 140 \times 200\text{cm}$: 1 cái 2. Khăn thấm $\geq 30 \times 40\text{cm}$: 2 cái 3. Bao chi $\geq 28 \times 85\text{cm}$: 1 cái 4. Băng keo OP $\geq 9 \times 50\text{cm}$: 2 cái 5. Khăn nội soi khớp gối D 200/275 x 310cm: 1 cái <p>Tiệt trùng.</p>	Cái	280
49	Chỉ khâu siêu bền	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ chất liệu cao phân tử UHMWPE siêu bền, không tiêu. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cái	180

Ghi chú: Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trên chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu; nhà cung cấp có thể báo giá những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn (Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu báo giá).

Phụ lục 4

Mẫu báo giá (1)

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Thái Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất, vật tư xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các Vật tư, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

Số TT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa (2)	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Ký, mã, nhãn hiệu, model (3)	Phân loại TBYT	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Mã HS (4)	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1		Danh mục A														
2		Danh mục B														
n															

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của vật tư, thiết bị y tế)

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].
- Chúng tôi cam kết

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình; cam kết bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2026

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.